

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP
KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 06 năm 2010	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000344, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2001, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất vào ngày 08 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 VND.

Đến thời điểm 30/06/2010, Công ty có đầu tư vào 04 công ty con:

- Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội
- Công ty TNHH MTV Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Khánh Hội
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Khánh Hội
- Công ty TNHH DV Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất.
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tầy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

(Phần tiếp theo ở trang 2)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Thi	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Trường	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Văn Lộc	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Nam	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Lê Chiến	Thành viên HĐQT
Bà Võ Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Đức	Thành viên HĐQT

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Hữu Mên	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Trần Minh Đạt	Thành viên Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Ngô Văn Lộc	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 06 tháng đầu năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh 06 tháng đầu năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 cho Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2010



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ VĂN LỘC

Số: 11.132/BCSXHN-DTL

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 06 tháng đầu năm 2010 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2010.



TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.856.519.307	273.021.851.138
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	58.377.459.446	85.317.739.251
1. Tiền	111		9.797.459.446	10.836.064.736
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.580.000.000	74.481.674.515
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	47.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	47.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	35.921.771.959	25.577.673.645
1. Phải thu khách hàng	131		35.489.523.523	25.405.496.545
2. Trả trước cho người bán	132		698.232.360	445.795.785
3. Phải thu nội bộ	133		20.091.756	20.091.756
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.978.517.826	1.675.954.762
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.264.593.506)	(1.969.665.203)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	119.733.113.428	113.496.954.104
1. Hàng tồn kho	141		123.572.229.463	117.336.070.139
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.839.116.035)	(3.839.116.035)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.824.174.474	1.629.484.138
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		327.785.893	305.571.232
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		730.729.450	715.766.459
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	1.447.550.002	68.579.547
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	318.109.129	539.566.900

(Phần tiếp theo ở trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164.438.454.774	110.312.242.214
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.848.486.809	24.069.342.039
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	21.725.921.767	20.125.776.036
+ Nguyên giá	222		30.513.289.942	30.395.068.308
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.787.368.175)	(10.269.292.272)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	6.875.000	10.625.000
+ Nguyên giá	228		234.821.000	234.821.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(227.946.000)	(224.196.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	115.690.042	3.932.941.003
III. Bất động sản đầu tư	240	5.9	33.195.283.636	30.028.151.824
+ Nguyên giá	241		54.827.109.404	50.346.320.657
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(21.631.825.768)	(20.318.168.833)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	107.559.989.878	54.277.121.215
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.003.495.215	1.038.495.215
3. Đầu tư dài hạn khác	258		114.668.761.330	59.714.626.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(8.112.266.667)	(6.476.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.834.694.451	1.937.627.136
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		677.633.173	762.042.654
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	1.157.061.278	1.166.784.482
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	8.800.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		381.294.974.081	383.334.093.352

(Phần tiếp theo ở trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		87.689.616.053	98.406.476.782
I. Nợ ngắn hạn	310		83.170.009.195	94.982.373.894
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	5.330.000.000	9.707.470.379
2. Phải trả người bán	312	5.13	4.332.930.559	9.378.862.014
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	10.995.088.185	2.364.306.270
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	2.109.966.272	3.240.687.442
5. Phải trả người lao động	315		451.698.053	1.278.835.156
6. Chi phí phải trả	316	5.15	3.004.855.050	3.172.428.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	47.827.637.882	61.627.791.672
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		9.117.833.194	4.211.992.961
II. Nợ dài hạn	330		4.519.606.858	3.424.102.888
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.17	4.389.148.515	3.234.486.188
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		78.461.649	151.071.246
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		51.996.694	38.545.454
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		286.570.994.792	280.901.027.210
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	286.570.994.792	280.901.027.210
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.203.090.000	141.203.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		95.682.643.118	95.682.643.118
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.702.262.153	5.571.063.274
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.655.655.264	9.901.522.678
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	573.544.371
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		22.327.344.257	27.969.163.769
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	5.19	7.034.363.236	4.026.589.360
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		381.294.974.081	383.334.093.352

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th.	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	37.251.460	25.763.734
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	629.702.728	629.702.728
5. Ngoại tệ các loại (USD)	87.359,09	566.084,04
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2010.

KẾ TOÁN TRƯỞNG 



NGUYỄN THỊ VÂN



NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		42.758.798.355	110.060.339.967
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	1.187.105.000	1.120.356.351
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	41.571.693.355	108.939.983.616
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	15.216.649.068	80.380.726.632
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.355.044.287	28.559.256.984
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.352.561.027	5.733.031.553
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.265.624.700	198.881.588
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		111.187.483	192.544.666
8. Chi phí bán hàng	24		568.357.919	755.659.394
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.282.355.462	2.561.906.858
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.591.267.233	30.775.840.697
11. Thu nhập khác	31	6.5	3.480.632.191	5.323.457.430
12. Chi phí khác	32	6.6	2.944.738.427	7.015.298.416
13. Lợi nhuận khác	40		535.893.764	(1.691.840.986)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.127.160.997	29.083.999.711
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.787.478.536	5.805.426.842
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	9.723.204	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.329.959.257	23.278.572.869
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	5.19	67.773.876	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	5.18	17.262.185.381	23.278.572.869
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	5.18	1.223	1.826

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2010.

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 NGUYỄN THỊ VÂN



BỘ GIÁM ĐỐC

NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		36.875.341.718	90.132.823.801
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(21.189.172.177)	(28.348.164.166)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.778.120.584)	(5.349.552.454)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(59.829.246)	(72.687.807)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(8.393.420.203)	(12.488.202.221)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.889.530.090	14.817.083.353
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.137.782.229)	(57.919.446.137)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(11.793.452.631)	771.854.369
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(715.870.408)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.425.909.649	1.454.629.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		47.000.000.000	470.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(59.804.268.664)	(150.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.400.073.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.923.170.428	3.846.389.841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.229.014.005	5.121.018.841

(Phần tiếp theo ở trang 11)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp trực tiếp)**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.940.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.330.000.000	3.756.400.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.707.470.379)	(10.268.715.881)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.938.370.800)	(6.375.470.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.375.841.179)	(12.887.785.881)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(26.940.279.805)	(6.994.912.671)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		85.317.739.251	64.578.426.267
ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		58.377.459.446	57.583.513.596

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ VÂN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2010.



ÔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000344, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2001, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất vào ngày 08 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 VND.

Công ty có đầu tư vào 04 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất.
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

(Phần tiếp theo ở trang 13)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.3.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%
3.	Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước	360D Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	55%	55%
4.	Công ty TNHH MTV DV TM Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội	56 Bến Vân Đồn, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%

1.4. Danh sách công ty liên doanh – đồng kiểm soát được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Bến Thành	360D Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	15%	15%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán theo Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
+ Máy móc thiết bị	07 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định khác	03 năm
+ Phần mềm máy vi tính	05 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh – đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tập đoàn.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán căn hộ và nhà được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đơn vị thực hiện chuyển giao căn hộ cho khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	144.184.021	400.020.079
Tiền gửi ngân hàng	9.653.275.425	10.436.044.657
Các khoản tương đương tiền	48.580.000.000	74.481.674.515
Tổng cộng	58.377.459.446	85.317.739.251

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	35.489.523.523	25.405.496.545
Trả trước cho người bán	698.232.360	445.795.785
Phải thu nội bộ ngắn hạn	20.091.756	20.091.756
Các khoản phải thu khác	1.978.517.826	1.675.954.762
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	38.186.365.465	27.547.338.848
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.264.593.506)	(1.969.665.203)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	35.921.771.959	25.577.673.645

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu hoạt động bán căn hộ chung cư	6.191.164.509	12.218.483.418
Phải thu về cho thuê mặt bằng, điện, nước chi hộ	3.066.318.033	420.087.473
Phải thu hoạt động bán văn phòng	23.953.143.551	5.088.461.344
Phải thu tiền hàng gỗ	1.429.243.639	6.454.104.321
Phải thu khác	849.653.791	1.224.359.989
Cộng	35.489.523.523	25.405.496.545

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu cổ tức từ đầu tư dài hạn	-	117.500.000
Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng	-	590.449.400
Phải thu tiền phí sử dụng vốn đầu tư	1.265.385.354	413.556.966
Phải thu khác	713.132.472	554.448.396
Cộng	1.978.517.826	1.675.954.762

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	-	6.369.110.046
Công cụ, dụng cụ	-	10.520.115
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	115.015.798.157	107.829.464.351
Thành phẩm	1.491.213.922	2.975.167.822
Hàng hóa	7.065.217.384	151.807.805
Cộng giá gốc hàng tồn kho	123.572.229.463	117.336.070.139
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.839.116.035)	(3.839.116.035)
Giá trị thuần có thể thực hiện	119.733.113.428	113.496.954.104

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho khoản giảm giá mặt hàng gỗ tồn kho lâu năm, chậm luân chuyển.

5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	1.413.708.149	-
Thuế xuất nhập khẩu	33.841.853	68.579.547
Tổng cộng	1.447.550.002	68.579.547

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	318.109.129	351.680.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	187.886.900
Tổng cộng	318.109.129	539.566.900

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: 1.000.000 đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	17.799	8.288	2.570	1.038	700	30.395
Mua trong kỳ	1.797	26	-	191	309	2.323
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.188	-	-	-	-	1.188
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(595)	-	-	-	-	(595)
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.745)	-	-	(53)	(2.798)
Số dư cuối kỳ	20.189	5.569	2.570	1.229	956	30.513
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.886	5.966	332	443	642	10.269
Khấu hao trong kỳ	294	316	136	101	25	872
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(379)	-	-	-	-	(379)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.921)	-	-	(54)	(1.975)
Số dư cuối kỳ	2.801	4.361	468	544	613	8.787
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	14.913	2.322	2.238	595	58	20.126
Tại ngày cuối kỳ	17.388	1.208	2.102	685	343	21.726

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.711.066.808 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	234.821.000
Số dư cuối kỳ	234.821.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	224.196.000
Khấu hao trong kỳ	3.750.000
Số dư cuối kỳ	227.946.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	10.625.000
Tại ngày cuối kỳ	6.875.000

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công trình Căn tin Chung cư Khánh Hội 2	83.309.090	-
Công trình Văn phòng làm việc Công ty CP XNK Khánh Hội	-	859.759.360
Công trình Văn phòng làm việc Công ty CP TVTK Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước	-	3.073.181.643
Khác	32.380.952	-
Tổng cộng	115.690.042	3.932.941.003

(Phần tiếp theo ở trang 21)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.230.856.000	31.813.854.241	14.301.610.416	50.346.320.657
Tăng trong kỳ	-	2.977.407.802	1.503.380.945	4.480.788.747
Số dư cuối kỳ	4.230.856.000	34.791.262.043	15.804.991.361	54.827.109.404
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	374.607.036	19.317.822.769	625.739.028	20.318.168.833
Tăng trong kỳ	58.761.888	1.214.114.414	40.780.633	1.313.656.935
Số dư cuối kỳ	433.368.924	20.531.937.183	666.519.661	21.631.825.768
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.856.248.964	12.496.031.472	13.675.871.388	30.028.151.824
Tại ngày cuối kỳ	3.797.487.076	14.259.324.860	15.138.471.700	33.195.283.636

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát – Công ty Cổ phần Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Bến Thành, tỷ lệ góp vốn 15%.		1.003.495.215		1.038.495.215
Đầu tư dài hạn khác		114.668.761.330		59.714.626.000
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	1.279.670	34.959.866.666	1.273.750	36.270.000.000
<i>Đầu tư trái phiếu</i>	-	337.500.000	-	-
<i>Đầu tư khác</i>	-	79.371.394.664	-	23.444.626.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn		115.672.256.545		60.753.121.215
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(8.112.266.667)		(6.476.000.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn		107.559.989.878		54.277.121.215

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Lý do thay đổi số lượng và giá trị cổ phiếu với khoản đầu tư dài hạn khác là do trong kỳ Công ty mua vào 50.000 cổ phiếu Công ty CP TM Phú Nhuận trị giá 600.000.000 đồng và bán ra 44.080 cổ phiếu của Công ty CP ĐT PT CN TM Củ Chi trị giá 1.910.133.334 đồng.

Danh sách đầu tư dài hạn khác Công ty đã đầu tư như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ứng trước tiền hợp tác đầu tư với Công ty CP SXKD Hàng XK Tân Bình	1.150.000.000	900.000.000
Ứng trước tiền hợp tác đầu tư với Công ty CP TM Hóc Môn	25.316.800.668	22.544.626.000
Chuyển tiền góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Dịch Vụ Công Ích Quận 4 - Dự án Chung cư Khánh Hội 3	52.904.593.996	-
Cộng	79.371.394.664	23.444.626.000

Danh sách các khoản lập dự phòng đầu tư dài hạn như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP KT XD Phú Nhuận	(40.000.000)	(40.000.000)
Công ty CP ĐT PT CN TM Củ Chi	(4.972.266.667)	(3.336.000.000)
Công ty CP Căn Nhà Mơ Ước – Đông Nam (Dream House)	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Công ty CP TM Phú Nhuận	(700.000.000)	(700.000.000)
Tổng cộng	(8.112.266.667)	(6.476.000.000)

5.11. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến giao dịch nội bộ	1.166.784.482	1.166.784.482
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến giao dịch nội bộ	(9.723.204)	-
Tổng cộng	1.157.061.278	1.166.784.482

5.12. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	4.080.000.000	9.707.470.379
Vay cá nhân	1.000.000.000	-
Vay tổ chức kinh tế khác	250.000.000	-
Tổng cộng	5.330.000.000	9.707.470.379

Vay ngân hàng thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 13,5%/năm, mục đích vay để thanh toán hạng mục xây dựng công trình Cao ốc Khahomex – Savico, tài sản bảo đảm là 02 chứng chỉ tiền gửi ghi danh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Vay cá nhân thời hạn vay 60 ngày, lãi suất 1,08%/tháng (13%/năm).

Vay tổ chức kinh tế khác thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 13%/năm.

5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	4.332.930.559	9.378.862.014
Người mua trả tiền trước	10.995.088.185	2.364.306.270
Tổng cộng	15.328.018.744	11.743.168.284

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả về bảo hành hạng mục công trình và chi phí xây dựng công trình	2.941.457.329	5.821.014.185
Phải trả về mua nguyên vật liệu	212.185.614	3.467.287.922
Khác	1.179.287.616	90.559.907
Cộng	4.332.930.559	9.378.862.014

Các khoản người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thu trước tiền gỗ	39.104.185	605.579.093
Thu trước tiền hàng và tiền thanh lý nhà xưởng XN CBLS – Công ty TNHH DV TM XNK Hồng Nghi	10.000.000.000	-
Thu trước tiền thanh lý sạp Xóm Chiếu	891.666.000	891.666.000
Khác	64.318.000	867.061.177
Cộng	10.995.088.185	2.364.306.270

5.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.507.375.721	217.618.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp	75.340.545	3.009.362.487
Thuế thu nhập cá nhân	18.815.218	13.706.384
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	508.434.788	-
Tổng cộng	2.109.966.272	3.240.687.442

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi hỗ trợ bồi thường tái định cư	3.000.000.000	3.000.000.000
Khác	4.855.050	172.428.000
Tổng cộng	3.004.855.050	3.172.428.000

5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	99.451.339
Kinh phí công đoàn	10.633.831	5.580.687
Bảo hiểm xã hội	-	5.288.640
Bảo hiểm y tế	4.056.592	46.211.989
Bảo hiểm thất nghiệp	-	462.148
Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.812.947.459	61.470.796.869
Tổng cộng	47.827.637.882	61.627.791.672

Các khoản phải trả, phải nộp khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí đầu tư dự án cao ốc 56 Bến Vân Đồn	34.712.495.238	37.652.495.238
Phí đầu tư dự án Chung cư Khánh Hội 4 - Học Môn	6.809.925.000	6.809.925.000
Cổ tức đợt 2 năm 2009 phải trả cổ đông	6.000.000	9.884.216.300
Thu 2% bảo trì căn hộ	6.109.133.249	6.737.461.833
Khác	175.393.972	386.698.498
Cộng	47.812.947.459	61.470.796.869

5.17. Phải trả dài hạn khác

Đây là khoản nhận đặt cọc thuê mặt bằng Chung cư Khánh Hội.

(Phần tiếp theo ở trang 25)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu trước trước	141.203.090.000	76.112.884.867	(22.235.231.031)	7.897.339.583	19.225.208.534	222.203.291.953
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	47.541.325.860	47.541.325.860
Tăng do bán cổ phiếu quỹ	-	19.569.758.251	22.235.231.031	-	-	41.804.989.282
Trích quỹ	-	-	-	8.454.107.137	(8.454.107.137)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.458.938.300)	(26.458.938.300)
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	(3.842.775.972)	(3.842.775.972)
Giảm khác	-	-	-	(305.316.397)	(41.549.216)	(346.865.613)
Số dư đầu năm nay	141.203.090.000	95.682.643.118	-	16.046.130.323	27.969.163.769	280.901.027.210
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	17.262.185.381	17.262.185.381
Tăng khác	-	-	-	-	1.746.440.174	1.746.440.174
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.060.154.500)	(7.060.154.500)
Trích quỹ	-	-	-	11.885.331.465	(11.885.331.465)	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	(5.704.959.102)	(5.704.959.102)
Giảm khác	-	-	-	(573.544.371)	-	(573.544.371)
Số dư cuối kỳ	141.203.090.000	95.682.643.118	-	27.357.917.417	22.327.344.257	286.570.994.792

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.2 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	24,99%	35.282.870.000	27.697.470.000
Vốn góp của các đối tượng khác	75,01%	105.920.220.000	113.505.620.000
Tổng cộng	100%	141.203.090.000	141.203.090.000

5.18.3 Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	14.120.309	14.120.309
▪ Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.18.4 Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	17.262.185.381	23.278.572.869
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	14.120.309	12.745.940
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.223	1.826

5.19 Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	4.026.589.360	-
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	2.940.000.000	4.500.000.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	67.773.876	(473.410.640)
Số dư cuối kỳ	7.034.363.236	4.026.589.360

(Phần tiếp theo ở trang 27)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán thành phẩm	29.345.991.410	90.654.995.349
Doanh thu bán hàng hóa	31.900.000	466.391.170
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.239.582.621	1.452.338.882
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	8.810.258.324	5.504.045.566
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	1.331.066.000	11.982.569.000
Hàng bán bị trả lại	(1.187.105.000)	(1.120.356.351)
Doanh thu thuần	41.571.693.355	108.939.983.616

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	10.038.309.121	66.676.894.212
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	62.425.728	425.275.737
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.377.774.206	1.062.211.412
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	1.750.199.748	1.529.488.146
Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất	987.940.265	10.686.857.125
Tổng cộng	15.216.649.068	80.380.726.632

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.072.418.450	4.646.395.548
Lãi bán hàng trả chậm	592.821.624	702.678.114
Cổ tức, lợi nhuận được chia	258.486.800	343.967.220
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	428.834.153	36.906.145
Khác	-	3.084.526
Tổng cộng	5.352.561.027	5.733.031.553

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	111.187.483	192.544.666
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.010.096	6.336.922
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn/dài hạn	1.636.266.667	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	512.160.454	-
Tổng cộng	2.265.624.700	198.881.588

6.5. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ, phế liệu	1.410.481.090	3.229.520.427
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	19.247.873	-
Thu nhập khác	2.050.903.228	2.093.937.003
Tổng cộng	3.480.632.191	5.323.457.430

6.6. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	-	264.856.453
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	847.675.482	4.376.349.212
Chi phí khác	2.097.062.945	2.374.092.751
Tổng cộng	2.944.738.427	7.015.298.416

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	5.787.478.536	5.805.426.842
Tổng cộng	5.787.478.536	5.805.426.842

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ giao dịch nội bộ	9.723.204	-
Tổng cộng	9.723.204	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Kinh doanh bất động sản (bán căn hộ chung cư, văn phòng, cho thuê mặt bằng chung cư).
- + Sản xuất chế biến lâm sản
- + Dịch vụ giáo dục mầm non
- + Dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng
- + Dịch vụ môi giới bất động sản
- + Hoạt động khác

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

ĐVT: 1.000.000 đồng

	Kinh doanh bất động sản	Sản xuất chế biến lâm sản	Giáo dục mầm non	Tư vấn thiết kế xây dựng	Môi giới bất động sản	Khác	Tổng cộng
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	27.597	10.608	1.770	498	30	1.068	41.571
Tổng cộng	27.597	10.608	1.770	498	30	1.068	41.571
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	24.854	626	494	185	30	166	26.355
Chi phí bán hàng	(6)	(499)	-	-	(64)	-	(569)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(3.586)	(1.499)	(562)	(343)	(158)	(134)	(6.282)
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	-	5.352	5.352
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(2.266)	(2.266)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	3.481	3.481
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(2.945)	(2.945)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.262	(1.372)	(68)	(158)	(192)	3.654	23.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(5.787)
Thuế thu nhập hoãn lại							(9)
Lợi nhuận sau thuế							17.330
Lợi ích cổ đông thiểu số							(68)
Lợi nhuận thuần							17.262

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương	385.220.799	275.759.931
Thưởng	46.072.000	19.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	262.000.000	103.600.000
Tổng cộng	693.292.799	398.359.931

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 24 tháng 07 năm 2010.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2010.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ VÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ VĂN LỘC

